

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 837/QĐ-ĐHSPKT, ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)

NGÀNH
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH: 7510103

Đà Nẵng, 09/2024

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin chung

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công nghệ kỹ thuật xây dựng
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Construction Engineering
3. Tên chuyên ngành (nếu có):	
4. Trình độ đào tạo:	Đại học
5. Mã ngành đào tạo:	7510103
6. Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp PTTH hoặc tương đương
7. Thời gian đào tạo:	4,5 năm
8. Hình thức đào tạo:	Chính quy
9. Số tín chỉ yêu cầu:	159
10. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng việt
11. Khoa quản lý:	Khoa Kỹ thuật Xây dựng
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; 2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; 3. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; 4. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng; 5. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; 6. Đạt yêu cầu về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên bậc đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật; 7. Đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Kỹ sư
15. Vị trí việc làm:	Người học tốt nghiệp trình độ Kỹ sư ngành/chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng có khả năng làm việc tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, sở, ban, ngành ở các vị trí liên quan đến nghiên cứu, tư vấn,

	giám sát, thiết kế, thi công, vận hành, quản lý dự án, quản lý đô thị, ...
16. Khả năng nâng cao trình độ:	Sinh viên tốt nghiệp chương trình này có thể dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cùng ngành và các ngành gần
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	- Ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Đại học Bách Khoa Đà Nẵng; - Ngành CNKT Công trình Xây dựng - Đại học SPKT TPHCM; - Ngành kỹ thuật xây dựng (civil engineerig) - Đại học Khoa học và Công nghệ Quốc gia Đài Loan - NTUST
18. Ban hành:	Theo Quyết định số. <u>837</u> ./QĐ-ĐHSPKT, ngày <u>06</u> tháng <u>9</u> năm <u>2024</u> của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu ứng dụng công nghệ; có khả năng học tập suốt đời, khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc và có trách nhiệm nghề nghiệp; có sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

TT	Mục tiêu
O1	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
O2	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức về lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.
O3	Có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu khoa học; kỹ năng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sử dụng công nghệ; có khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp; kỹ năng phổ biến, truyền bá tri thức, tự định hướng, thích nghi với sự thay đổi.
O4	Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả công tác.

1.3. Chuẩn đầu ra

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT
PLO1	Xác định, trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp bằng cách áp dụng các kiến thức toán học, khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

PLO 2	Tiến hành thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu, đánh giá và đưa ra các kết luận, đề xuất, khuyến cáo dựa trên kết quả phân tích dữ liệu để đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.
PLO3	Thiết kế, tổ chức thi công, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các dự án, công trình thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp quy mô lớn đáp ứng các yêu cầu cụ thể có quan tâm đến con người, môi trường, cộng đồng, các vấn đề toàn cầu.
PLO4	Sử dụng các phần mềm chuyên ngành và vận dụng linh hoạt các tiêu chuẩn, qui trình và công nghệ mới trong khảo sát, thiết kế, thi công và quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
PLO5	Nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong các tình huống và giải pháp kỹ thuật.
PLO6	Thu thập, sử dụng tài liệu kỹ thuật thích hợp và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết thông qua việc sử dụng các chiến lược học tập phù hợp.
PLO7	Có năng lực giao tiếp và thuyết trình bằng văn bản, lời nói, tài liệu kỹ thuật, đồ họa; sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.
PLO8	Hoạt động hiệu quả như một thành viên trong nhóm kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ nhằm đáp ứng các mục tiêu.
PLO9	Có tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; kỹ năng quản trị, quản lý, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng.

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
O1	x								
O2	x	x	x	x		x			
O3	x	x	x	x	x		x	x	x
O4					x	x	x	x	x

1.4. Cơ hội nghề nghiệp

Chức danh	Cơ hội nghề nghiệp
Kỹ sư	Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư công nghệ kỹ thuật xây dựng có đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất để làm việc tại các công ty tư vấn thiết kế, công ty xây lắp, các ban quản lý dự án, các sở, phòng quản lý đô thị, kiến trúc, xây dựng, cơ sở hạ tầng, ... cụ thể như sau: - Đơn vị thi công xây dựng: Cán bộ kỹ thuật; thiết kế biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công

	- Đơn vị tư vấn thiết kế: Thiết kế kết cấu, kiến trúc; cán bộ lập dự toán; ... - Đơn vị tư vấn quản lý xây dựng: Cán bộ quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng. - Tham gia giảng dạy ở các cơ sở đào tạo các cấp.
--	--

1.5. Tuyển sinh - điều kiện nhập học

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức được công bố trong đề án tuyển sinh hàng năm. Điểm xét tuyển là điểm của tổ hợp môn được công bố trong thông báo tuyển sinh hàng năm. Thí sinh phải đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Đại học Đà Nẵng quy định, đồng thời đạt điểm chuẩn xét tuyển vào ngành do Hội đồng tuyển sinh công bố ở mỗi đợt xét tuyển.

1.6. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được triển khai theo học chế tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Mỗi năm học có 2 học kỳ chính và một học kỳ hè. Số giờ lên lớp trung bình 18 tiết/tuần. Cách thức kiểm tra đánh giá được qui định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

1.7. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp phải thỏa mãn các tiêu chí công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ của Giáo dục và Đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra của nhà trường về Ngoại ngữ, Tin học.

1.8. Khả năng phát triển nghề nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc sau đại học: Thạc sĩ - Tiến sĩ;

Sinh viên có khả năng chuyển đổi ngành hoặc học thêm ngành thứ 2 phù hợp với ngành đào tạo;

Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

1.9. Chiến lược giảng dạy - học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

+ Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

+ Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

+ Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment), dự án (Project) và nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team).

+ Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

+ Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

+ Dự án (Project): Là phương pháp học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ các vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên môn, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình, và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

+ Nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning).

+ Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua

hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment). Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.9.6. Dạy học trực tuyến

Học tập trực tuyến (e-learning) là phương thức học tập trong đó sinh viên dùng các thiết bị kết nối Internet để có thể kết nối với giảng viên thông qua các công cụ dạy học thời gian thực, truy cập nguồn tài nguyên học tập được lưu trữ trên các nền tảng số. Giảng viên tương tác từ xa và có thể gửi học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác cho người học thông qua các hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System).

E-learning với những ưu điểm trong dạy học làm thay đổi mạnh mẽ kỹ năng tự học của người học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung giảng dạy trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học.

1.10. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

1.10.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

+ Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

+ Đánh giá bài tập (Work Assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.10.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

+ Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

+ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

+ Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

+ Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Khung chương trình dạy học

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*)
			LT- BT	TH- TN	TT		HP học trước HP song hành(+)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
1.1. Các học phần bắt buộc							
1	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
2	5319002	Giải tích I	3	0	0	3	
3	5506027	Hình học	2	0	0	2	
4	5209006	Kinh tế chính trị	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
5	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
6	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
7	5209008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
8	5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	
9	5413008	Tiếng Anh A2.1	3	0	0	3	Tiếng Anh cơ bản(*)
10	5413009	Tiếng Anh A2.2	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.1
11	5413010	Tiếng Anh A2.3	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.2
12	5413011	Tiếng Anh B1.1	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.3
13	5413012	Tiếng Anh B1.2	2	0	0	2	Tiếng Anh B1.1
14	5505251	Tin học cơ bản	1	1	0	2	
15	5506058	Toán ứng dụng	2	0	0	2	Giải tích I
16	5209005	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	
17	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
18	5305001	Vật Lý Cơ - Điện	2	0	0	2	
19	5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương:						39	
1.2. Các học phần tự chọn tự do							
1	5413007	Tiếng Anh cơ bản	3	0	0	3	
1.3. Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất & Chứng chỉ quốc phòng							
1	5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	4	4	
2	5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	
3	5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	
4	5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*)
			LT- BT	TH- TN	TT		HP học trước HP song hành(+)
5	5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
2.1. Các học phần cơ sở ngành - bắt buộc							
1	5506011	Cơ học đất	2	0	0	2	Sức bền vật liệu
2	5506142	Cơ học kết cấu - Hệ tĩnh định	3	0	0	3	Sức bền vật liệu
3	5506184	Cơ học kết cấu - Hệ siêu tĩnh	2	0	0	2	Cơ học kết cấu - Hệ tĩnh định
4	5504088	Cơ lý thuyết	2	0	0	2	
5	5506014	Địa chất công trình	1	1	0	2	Vật liệu xây dựng
6	5506017	Đồ án Kết cấu BTCT	0	1	0	1	Kết cấu bê tông cốt thép (+)
7	5506021	Đồ án nền móng	0	1	0	1	Nền móng (+)
8	5506029	Kết cấu bê tông cốt thép	3	0	0	3	Sức bền vật liệu
9	5506033	Kết cấu thép	2	0	0	2	Sức bền vật liệu
10	5506040	Nền móng	2	0	0	2	Cơ học đất
11	5506042	Nhập môn ngành XD	1	0	0	1	
12	5504040	Sức bền vật liệu	3	0	0	3	Cơ lý thuyết
13	5506046	Thí nghiệm cơ học	0	1	0	1	Sức bền vật liệu (+)
14	5506250	Thực hành trắc địa	0	1	0	1	Trắc địa xây dựng (+)
15	5506054	TN cơ học đất	0	1	0	1	Cơ học đất (+)
16	5506056	TN Vật liệu xây dựng	0	1	0	1	Vật liệu xây dựng (+)
17	5506059	Trắc địa xây dựng	2	0	0	2	Nhập môn ngành XD
18	5506060	Vật liệu xây dựng	2	0	0	2	
19	5506061	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2	1	0	3	Hình họa
20	5506062	Vẽ xây dựng trên máy tính	1	1	0	2	Vẽ kỹ thuật xây dựng (+)
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần cơ sở ngành bắt buộc:						37	
2.2. Các học phần chuyên ngành - bắt buộc							
1	5506001	An toàn lao động	1	0	0	1	Thi công đất và BTCT toàn khối
2	5506004	Cấu tạo KT nhà dân dụng	2	1	0	3	Kiến trúc xây dựng
3	5506260	Đồ án Kết cấu Công trình BTCT	0	1	0	1	Kết cấu công trình BTCT (+)
4	5506257	Đồ án kết cấu thép	0	1	0	1	Kết cấu công trình thép (+)
5	5506019	Đồ án Kiến trúc XD	0	1	0	1	Kiến trúc xây dựng (+)
6	5506192	Đồ án Kỹ thuật thi công lắp ghép	0	1	0	1	Thi công lắp ghép, xây và hoàn thiện (+)
7	5506258	Đồ án thi công đất và BTCT toàn khối	0	1	0	1	Thi công đất và BTCT toàn khối (+)
8	5506259	Đồ án Tổ chức thi công	0	1	0	1	Tổ chức thi công (+)
9	5506194	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XD	0	0	12	12	Kết cấu nhà nhiều tầng
10	5502010	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	2	0	0	2	
11	5506025	Dự toán xây dựng	2	1	0	3	Thi công đất và BTCT toàn khối

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*)
			LT- BT	TH- TN	TT		HP học trước
							HP song hành(+)
12	5506191	Học kỳ Doanh nghiệp XD	0	0	3	3	Kết cấu công trình BTCT; Thi công đất và BTCT toàn khối
13	5506198	Kết cấu công trình BTCT	2	0	0	2	Kết cấu bê tông cốt thép
14	5506031	Kết cấu công trình thép	2	0	0	2	Kết cấu thép
15	85802011 C12	Kết cấu nhà nhiều tầng	2	1	0	3	Kết cấu BTCT; Kết cấu thép
16	5506034	Kiến trúc xây dựng	2	0	0	2	Nhập môn ngành XD
17	5506035	Kinh tế xây dựng	2	0	0	2	Thi công đất và BTCT toàn khối
18	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2	0	0	2	
19	5506038	Luật xây dựng	1	0	0	1	Nhập môn ngành XD
20	5506039	Máy xây dựng	1	1	0	2	Nhập môn ngành XD
21	5506041	Ngoại ngữ chuyên ngành XD	2	0	0	2	Kiến trúc xây dựng
22	5506043	Phương pháp Phần tử hữu hạn	2	0	0	2	Cơ học kết cấu - Hệ siêu tĩnh
23	5506044	Quản lý dự án xây dựng	2	0	0	2	Nhập môn ngành XD
24	5506187	Thi công đất và BTCT toàn khối	3	0	0	3	Kết cấu bê tông cốt thép
25	5506189	Thi công lắp ghép, xây và hoàn thiện	2	0	0	2	Thi công đất và BTCT toàn khối
26	5506193	Thi công nhà nhiều tầng	2	0	0	2	Thi công đất và BTCT toàn khối
27	5506256	Thực tập Kỹ thuật XD	0	0	4	4	Thực tập Nhận thức XD
28	5506049	Thực tập Nhận thức XD	0	0	1	1	Nhập môn ngành XD
29	5506053	Tin học xây dựng	1	1	0	2	Kết cấu bê tông cốt thép
30	5506055	TN kết cấu công trình	0	1	0	1	Kết cấu bê tông cốt thép
31	5506057	Tổ chức thi công	3	0	0	3	Thi công đất và BTCT toàn khối
32	85802012 C19	Vật liệu bền vững và tiên tiến cho lĩnh vực Xây dựng	2	1	0	3	Vật liệu xây dựng

**Tổng số tín chỉ phải tích lũy học phần chuyên ngành bắt
buộc:**

73

2.3. Các học phần chuyên ngành tự chọn bắt buộc: bắt buộc tích lũy 10 tín chỉ/36 tín chỉ

1	5506003	Cấp thoát nước	2	0	0	2	Kiến trúc xây dựng
2	5506005	Chuyên đề đầu thầu XD	1	0	0	1	Thi công đất và BTCT toàn khối
3	85802012 C21	Chuyên đề kết cấu CT	2	0	0	2	Kết cấu công trình BTCT
4	85802011 C9	Chuyên đề nền móng CT	2	0	0	2	Nền móng
5	5506009	Chuyên đề thi công CT	1	0	0	1	Thi công đất và BTCT toàn khối
6	5506152	Chuyên đề ứng dụng BIM trong xây dựng	1	1	0	2	Kiến trúc xây dựng
7	85802011 C1	Chuyên đề vật liệu xây dựng	2	0	0	2	Vật liệu xây dựng
8	85802011 C2	Địa kỹ thuật nâng cao	2	1	0	3	Nền móng

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*)
			LT- BT	TH- TN	TT		HP học trước HP song hành(+)
9	5506026	Giám sát thi công xây dựng	2	0	0	2	Thi công đất và BTCT toàn khối
10	85802012 C11	Kết cấu Bê tông ứng lực trước	2	1	0	3	Kết cấu bê tông cốt thép
11	85802012 C13	Kết cấu thép theo các tiêu chuẩn nước ngoài	2	1	0	3	Kết cấu công trình thép
12	85802011 C5	Mô phỏng số và phân tích nâng cao Kết cấu Xây dựng	2	1	0	3	Kết cấu công trình BTCT
13	5506045	Thanh quyết toán công trình XD	2	0	0	2	Dự toán xây dựng (+)
14	5506197	Thiết kế công trình chịu động đất và gió bão	2	1	0	3	Kết cấu công trình BTCT
15	5506052	Tin học đồ họa kiến trúc	2	1	0	3	Vẽ xây dựng trên máy tính
16	5506195	Vật lý kiến trúc	2	0	0	2	Kiến trúc xây dựng
Tổng số tín chỉ tích lũy học phần chuyên ngành tự chọn bắt buộc						36	Chọn 10 tín chỉ
Tổng số tín chỉ phải tích lũy học phần giáo dục chuyên nghiệp						120	
Tổng số						159	

2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

S T T	Mã học phần	Tên học phần	PLO								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
1.	5506001	An toàn lao động	-	-	R	R	I	-	-	-	-
2.	5506003	Cấp thoát nước	R	-	I	I	-	-	-	-	-
3.	5506004	Cấu tạo KT nhà dân dụng	-	-	I	I	-	-	-	-	-
4.	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I	-	-	-	I	-	-	-	-
5.	5506005	Chuyên đề đầu thầu XD	-	-	-	-	R	I	-	I	I
6.	85802012C21	Chuyên đề kết cấu CT	R	-	R	-	-	R	-	-	R
7.	85802011C9	Chuyên đề nền móng CT	R	-	R	-	-	R	-	-	R
8.	5506009	Chuyên đề thi công CT	R	I	I	I	-	R	R	-	-
9.	5506152	Chuyên đề ứng dụng BIM trong xây dựng	-	-	R	R	-	-	-	-	I
10.	85802011C1	Chuyên đề vật liệu xây dựng	R	-	-	M	-	R	-	-	M
11.	5506011	Cơ học đất	R	-	-	I	-	R	R	R	I
12.	5506184	Cơ học kết cấu - Hệ siêu tĩnh	M	-	-	-	-	-	-	R	-
13.	5506142	Cơ học kết cấu - Hệ tĩnh định	M	-	-	-	-	-	-	R	-
14.	5504088	Cơ lý thuyết	R	-	I	-	-	-	-	-	-
15.	5506014	Địa chất công trình	I	I	-	-	-	I	-	-	-
16.	85802011C2	Địa kỹ thuật nâng cao	M	R	R	R	-	-	-	-	-
17.	5506017	Đồ án Kết cấu BTCT	R	-	-	R	R	R	R	-	-
18.	5506260	Đồ án Kết cấu Công trình BTCT	R	-	R	R	-	R	R	-	-
19.	5506257	Đồ án kết cấu thép	R	R	R	R	R	R	R	-	R
20.	5506019	Đồ án Kiến trúc XD	R	-	-	R	R	R	-	R	-
21.	5506192	Đồ án Kỹ thuật thi công lắp ghép	R	R	R	R	-	R	R	-	-
22.	5506021	Đồ án nền móng	R	-	R	R	-	-	R	R	-
23.	5506258	Đồ án thi công đất và BTCT toàn khối	R	R	R	R	-	R	R	-	-
24.	5506259	Đồ án Tổ chức thi công	-	-	R	R	R	-	-	-	R
25.	5506194	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XD	-	-	M	M	R	M	M	-	M
26.	5502010	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	R
27.	5506025	Dự toán xây dựng	I	-	M	M	I	M	R	-	-
28.	5319002	Giải tích I	I	-	-	-	-	-	-	-	-
29.	5506026	Giám sát thi công xây dựng	-	-	R	R	-	-	-	-	-

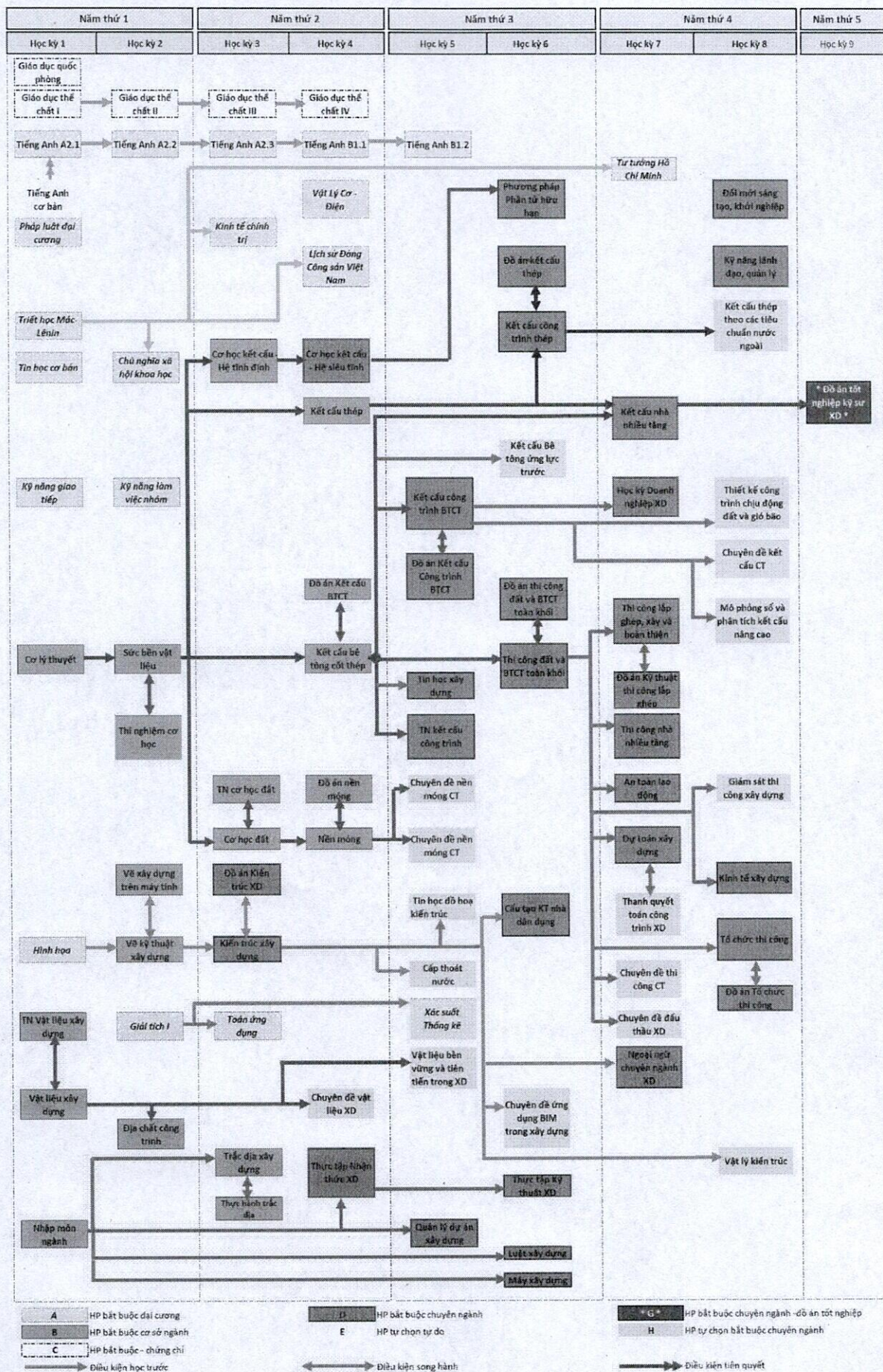
S T T	Mã học phần	Tên học phần	PLO								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
30.	5502001	Giáo dục quốc phòng	-	-	-	-	I	-	-	-	-
31.	5013001	Giáo dục thể chất I	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32.	5013002	Giáo dục thể chất II	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33.	5013003	Giáo dục thể chất III	-	-	-	-	-	-	-	-	-
34.	5013004	Giáo dục thể chất IV	-	-	-	-	-	-	-	-	-
35.	5506027	Hình họa	R	-	-	-	-	-	-	-	-
36.	5506191	Học kỹ Doanh nghiệp XD	-	-	R	-	R	R	R	-	I
37.	5506029	Kết cấu bê tông cốt thép	R	-	R	-	-	R	-	-	-
38.	85802012C11	Kết cấu Bê tông ứng lực trước	R	-	R	-	-	R	-	-	-
39.	5506198	Kết cấu công trình BTCT	R	-	R	-	-	R	-	-	-
40.	5506031	Kết cấu công trình thép	R	R	R	R	-	R	-	-	-
41.	85802011C12	Kết cấu nhà nhiều tầng	R	R	R	-	-	R	-	-	-
42.	5506033	Kết cấu thép	R	R	R	R	R	R	R	-	-
43.	85802012C13	Kết cấu thép theo các tiêu chuẩn nước ngoài	-	M	R	M	-	-	R	-	-
44.	5506034	Kiến trúc xây dựng	-	-	I	I	-	-	-	-	-
45.	5209006	Kinh tế chính trị	I	-	-	-	I	-	-	-	-
46.	5506035	Kinh tế xây dựng	-	-	R	R	-	-	-	-	R
47.	5502003	Kỹ năng giao tiếp	-	-	-	-	-	-	I	-	-
48.	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	-	-	-	-	-	-	-	M	-
49.	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	I
50.	5209008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I	-	-	-	I	-	-	-	-
51.	5506038	Luật xây dựng	-	-	-	R	-	-	-	-	-
52.	5506039	Máy xây dựng	-	-	R	-	-	R	-	-	-
53.	85802011C5	Mô phỏng số và phân tích nâng cao Kết cấu Xây dựng	-	M	M	M	-	-	-	-	-
54.	5506040	Nền móng	R	-	R	-	-	R	-	-	-
55.	5506041	Ngoại ngữ chuyên ngành XD	-	-	-	-	-	-	R	-	-
56.	5413007	Tiếng Anh cơ bản	-	-	-	-	-	-	I	-	-
57.	5413008	Tiếng Anh A2.1	-	-	-	-	-	-	R	-	-
58.	5413009	Tiếng Anh A2.2	-	-	-	-	-	-	R	-	-
59.	5413010	Tiếng Anh A2.3	-	-	-	-	-	-	R	-	-
60.	5413011	Tiếng Anh B1.1	-	-	-	-	-	-	M	-	-
61.	5413012	Tiếng Anh B1.2	-	-	-	-	-	-	M	-	-
62.	5506042	Nhập môn ngành XD	I	-	-	-	I	I	I	R	-
63.	5211005	Pháp luật đại cương	-	-	-	-	I	-	-	-	-
64.	5506043	Phương pháp Phần tử hữu hạn	M	-	R	-	-	I	-	-	-
65.	5506044	Quản lý dự án xây dựng	-	-	M	M	R	R	I	-	R
66.	5504040	Sức bền vật liệu	I	-	-	-	-	-	-	-	-
67.	5506045	Thanh quyết toán công trình XD	-	-	I	I	R	R	-	I	-
68.	5506187	Thi công đất và BTCT toàn khối	R	-	-	-	-	-	-	-	-
69.	5506189	Thi công lắp ghép, xây và hoàn thiện	R	-	-	-	-	-	-	-	-
70.	5506193	Thi công nhà nhiều tầng	R	R	-	-	-	-	-	-	-
71.	5506046	Thí nghiệm cơ học	I	-	-	I	-	R	-	-	-
72.	5506197	Thiết kế công trình chịu động đất và gió bão	R	-	R	-	-	R	-	-	-
73.	5506250	Thực hành trắc địa	-	M	R	R	M	-	-	-	-
74.	5506256	Thực tập Kỹ thuật XD	-	-	-	R	R	-	-	R	R
75.	5506049	Thực tập Nhận thức XD	-	-	-	-	-	-	R	I	-
76.	5505251	Tin học cơ bản	-	-	-	I	-	-	I	-	-
77.	5506052	Tin học đồ họa kiến trúc	-	-	-	M	-	R	M	-	-
78.	5506053	Tin học xây dựng	-	-	-	R	-	-	R	-	-
79.	5506054	TN cơ học đất	I	R	-	-	-	-	-	-	-
80.	5506055	TN kết cấu công trình	I	R	-	-	-	-	-	-	-
81.	5506056	TN Vật liệu xây dựng	-	R	-	-	R	-	-	R	-
82.	5506057	Tổ chức thi công	R	-	R	R	R	I	-	-	I
83.	5506058	Toán ứng dụng	R	-	-	-	-	R	-	-	-
84.	5506059	Trắc địa xây dựng	M	R	R	-	-	-	-	-	-
85.	5209005	Triết học Mác-Lênin	I	-	-	-	I	-	-	-	-

S T T	Mã học phần	Tên học phần	PLO								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
86.	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I	-	-	-	I	-	-	-	-
87.	5506060	Vật liệu xây dựng	R	-	-	M	-	R	-	R	-
88.	85802012C19	Vật liệu bền vững và tiên tiến cho lĩnh vực Xây dựng	-	-	R	-	-	R	-	-	-
89.	5305001	Vật Lý Cơ - Điện	I	-	-	-	-	-	-	-	-
90.	5506195	Vật lý kiến trúc	M	-	-	R	-	-	R	-	-
91.	5506061	Vẽ kỹ thuật xây dựng	-	-	-	-	-	-	I	-	-
92.	5506062	Vẽ xây dựng trên máy tính	-	-	-	-	-	-	R	-	-
93.	5319005	Xác suất Thống kê	I	-	-	-	-	-	-	-	-

Tổng hợp số lượng HP theo các mức độ đóng góp đối với PLO/PI:

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
Mức I	15	2	6	8	10	5	6	3	6
Mức R	29	12	29	21	13	28	20	9	8
Mức M	6	3	4	8	1	2	4	1	2

2.3. Cây chương trình



2.4. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
1	5013001	Giáo dục thể chất I	Học phần bắt buộc - chứng chỉ	1
	5209005	Triết học Mác-Lênin	Học phần bắt buộc - đại cương	3
	5211005	Pháp luật đại cương	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5502001	Giáo dục quốc phòng	Học phần bắt buộc - chứng chỉ	4
	5502003	Kỹ năng giao tiếp	Học phần bắt buộc - đại cương	1
	5505251	Tin học cơ bản	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5506027	Hình họa	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5506042	Nhập môn ngành XD	Học phần bắt buộc - cơ sở	1
	5506056	TN Vật liệu xây dựng	Học phần bắt buộc - cơ sở	1
	5506060	Vật liệu xây dựng	Học phần bắt buộc - cơ sở	2
	5504088	Cơ lý thuyết	Học phần bắt buộc - cơ sở	2
	5413007	Tiếng Anh cơ bản	Học phần tự chọn tự do	3
	5413008	Tiếng Anh A2.1	Học phần bắt buộc - đại cương	3
2	5013002	Giáo dục thể chất II	Học phần bắt buộc - chứng chỉ	1
	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5319002	Giải tích I	Học phần bắt buộc - đại cương	3
	5413009	Tiếng Anh A2.2	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	Học phần bắt buộc - đại cương	1
	5506014	Địa chất công trình	Học phần bắt buộc - cơ sở	2
	5506046	Thí nghiệm cơ học	Học phần bắt buộc - cơ sở	1
	5506061	Vẽ kỹ thuật xây dựng	Học phần bắt buộc - cơ sở	3
	5506062	Vẽ xây dựng trên máy tính	Học phần bắt buộc - cơ sở	2
3	5504040	Sức bền vật liệu	Học phần bắt buộc - cơ sở	3
	5413010	Tiếng Anh A2.3	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5013003	Giáo dục thể chất III	Học phần bắt buộc - chứng chỉ	1
	5209006	Kinh tế chính trị	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5506011	Cơ học đất	Học phần bắt buộc - cơ sở	2
	5506019	Đồ án Kiến trúc XD	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506034	Kiến trúc xây dựng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506054	TN cơ học đất	Học phần bắt buộc - cơ sở	1
	5506058	Toán ứng dụng	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5506059	Trắc địa xây dựng	Học phần bắt buộc - cơ sở	2
	5506142	Cơ học kết cấu - Hệ tĩnh định	Học phần bắt buộc - cơ sở	3
4	5506250	Thực hành trắc địa	Học phần bắt buộc - cơ sở	1
	5013004	Giáo dục thể chất IV	Học phần bắt buộc - chứng chỉ	1
	5209008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5305001	Vật Lý Cơ - Điện	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5413011	Tiếng Anh B1.1	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5506017	Đồ án Kết cấu BTCT	Học phần bắt buộc - cơ sở	1
	5506021	Đồ án nền móng	Học phần bắt buộc - cơ sở	1
	5506029	Kết cấu bê tông cốt thép	Học phần bắt buộc - cơ sở	3
	5506033	Kết cấu thép	Học phần bắt buộc - cơ sở	2
	5506040	Nền móng	Học phần bắt buộc - cơ sở	2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
	5506049	Thực tập Nhận thức XD	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506184	Cơ học kết cấu - Hệ siêu tĩnh	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	85802011C1	Chuyên đề vật liệu xây dựng	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
5	5319005	Xác suất Thống kê	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5413012	Tiếng Anh B1.2	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5506003	Cấp thoát nước	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506038	Luật xây dựng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506039	Máy xây dựng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506052	Tin học đồ hoạ kiến trúc	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	3
	5506053	Tin học xây dựng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506055	TN kết cấu công trình	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506198	Kết cấu công trình BTCT	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506260	Đồ án Kết cấu Công trình BTCT	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	85802011C2	Địa kỹ thuật nâng cao	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	3
	85802011C9	Chuyên đề nền móng CT	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
		Vật liệu bền vững và tiên tiến cho lĩnh vực Xây dựng		
	85802012C19		Học phần bắt buộc - chuyên ngành	3
6	5506004	Cấu tạo KT nhà dân dụng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	3
	5506031	Kết cấu công trình thép	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506043	Phương pháp Phần tử hữu hạn	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506044	Quản lý dự án xây dựng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506152	Chuyên đề ứng dụng BIM trong xây dựng	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506187	Thi công đất và BTCT toàn khối	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	3
	5506256	Thực tập Kỹ thuật XD	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	4
	5506257	Đồ án kết cấu thép	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506258	Đồ án thi công đất và BTCT toàn khối	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	85802012C11	Kết cấu Bê tông ứng lực trước	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	3
7	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần bắt buộc - đại cương	2
	5506001	An toàn lao động	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506005	Chuyên đề đấu thầu XD	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506009	Chuyên đề thi công CT	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506025	Dự toán xây dựng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	3
	5506041	Ngoại ngữ chuyên ngành XD	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506045	Thanh quyết toán công trình XD	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506189	Thi công lắp ghép, xây và hoàn thiện	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506191	Học kỳ Doanh nghiệp XD	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	3
	5506192	Đồ án Kỹ thuật thi công lắp ghép	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	5506193	Thi công nhà nhiều tầng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	85802011C12	Kết cấu nhà nhiều tầng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	3
8	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5502010	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506026	Giám sát thi công xây dựng	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506035	Kinh tế xây dựng	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506057	Tổ chức thi công	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số tín chỉ
	5506195	Vật lý kiến trúc	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
	5506197	Thiết kế công trình chịu động đất và gió bão	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	3
	5506259	Đồ án Tổ chức thi công	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	1
	85802011C5	Mô phỏng số và phân tích nâng cao Kết cấu Xây dựng	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	3
	85802012C13	Kết cấu thép theo các tiêu chuẩn nước ngoài	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	3
	85802012C21	Chuyên đề kết cấu CT	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành	2
9	5506194	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XD	Học phần bắt buộc - chuyên ngành	12

2.5. Mô tả tóm tắt các học phần

Các chuyên đề chuyên ngành XD

Các học phần này có nội dung đa dạng, luôn được cập nhật, đổi mới và được giảng dạy bởi những chuyên gia hàng đầu trong nhiều lĩnh vực hoạt động của sản xuất xây dựng. Nội dung của các học phần đề cập những vấn đề mới mẻ nhất, nóng hổi nhất trong các lĩnh vực vật liệu, nền móng công trình, kết cấu, thi công, quản lý xây dựng, đấu thầu và kiến trúc xây dựng.

Cơ lý thuyết

Học phần Cơ lý thuyết là một môn khoa học nghiên cứu các quy luật tổng quát về chuyển động và cân bằng của các vật thể gồm 2 phần: Phần Tĩnh học vật rắn chuyên nghiên cứu về sự cân bằng của các vật rắn dưới tác dụng của các lực, đưa ra phương pháp thu gọn hệ lực và tìm điều kiện cân bằng của hệ lực. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất của cơ học hiện đại, nắm được các tiên đề tĩnh học để từ đó tính toán, giải quyết các bài toán cơ học thường gặp trong ngành kỹ thuật. Phần Động học, nghiên cứu các qui luật chuyển động của vật thể đơn thuần về hình học, không đề cập đến khối lượng và lực. Những kết quả khảo sát trong động học sẽ làm cơ sở cho việc nghiên cứu toàn diện các qui luật chuyển động của vật thể trong phần động lực học. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất của cơ học hiện đại, nắm được các tiên đề động học để từ đó tính toán, giải quyết các bài toán cơ học thường gặp trong ngành kỹ thuật.

Sức bền vật liệu

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tính toán độ bền, độ cứng và độ ổn định của thanh trong các trường hợp chịu lực đơn giản: kéo, nén, uốn, xoắn, làm cơ sở để nghiên cứu các trạng thái chịu lực phức tạp khác. Ngoài ra học phần này còn tạo cho sinh viên có được những trực giác kỹ thuật trong việc nhìn nhận sự làm việc của công trình, hình ảnh vật lý của các vấn đề kỹ thuật.

Thí nghiệm cơ học

Thí nghiệm cơ học là môn học cơ sở ngành giảng dạy cho sinh viên các ngành kỹ thuật. Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành xây dựng các kiến thức, kỹ năng cơ

bản về thí nghiệm tính chất cơ lý của kim loại. Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng xử lý số liệu thực nghiệm nhằm xác định gần đúng các đại lượng đặc trưng cơ học.

Cơ học kết cấu – Hệ tĩnh định

Cung cấp kiến thức về các dạng kết cấu trong công trình, sự phát sinh phản lực gối tựa, nội lực và chuyển vị của công trình dưới tác dụng của các loại tải trọng có tính chất khác nhau. Dự đoán được các trường hợp xuất hiện nội lực, chuyển vị nguy hiểm cũng như vị trí xuất hiện của chúng trong công trình. Cơ học kết cấu – Hệ tĩnh định nghiên cứu hệ tĩnh định. Xét cấu tạo hình học của hệ phẳng. Tính toán nội lực và chuyển vị cho các hệ phẳng tĩnh định như : hệ dầm, hệ khung, hệ dàn, hệ có hệ thống truyền lực và hệ ghép.

Cơ học kết cấu – Hệ siêu tĩnh

Cơ học kết cấu – Hệ siêu tĩnh nghiên cứu hệ kết cấu siêu tĩnh. Tính toán nội lực và chuyển vị cho các hệ phẳng siêu tĩnh như: hệ khung siêu tĩnh, hệ dầm liên tục bằng phương pháp lực, phương pháp chuyển vị và phương pháp hỗn hợp.

Cơ học đất

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bản chất của đất, các giả thuyết lý thuyết và thực nghiệm, các quá trình cơ học xảy ra trong đất khi chịu các tác động bên ngoài và bên trong, sự hình thành của đất, các pha hợp thành đất, các đặc trưng vật lý của đất, các tính chất cơ học và các đặc trưng liên quan, sự phân bố ứng suất trong đất, các vấn đề biến dạng, sức chịu tải của nền đất, ổn định của khối đất và áp lực đất lên vật rắn. Trên cơ sở đó, vận dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc sử dụng đất vào mục đích xây dựng công trình.

Thí nghiệm Cơ học đất

Học phần giúp sinh viên thực hành cách nhận dạng các loại đất tự nhiên, xác định những chỉ tiêu cơ lý của đất ở trong phòng thí nghiệm và ở ngoài hiện trường phục vụ cho công tác thiết kế nền móng như: dung trọng tự nhiên, độ ẩm của đất, trọng lượng riêng hạt đất, xác định thành phần hạt đất, lực dính, góc ma sát trong của đất và các giới hạn Atterberg.

Địa chất công trình

Học phần này cung cấp cho sinh viên các cơ bản về đất đá xây dựng, một số tính chất nước, vật lý và cơ học của đất đá, nước dưới đất, các hiện tượng, quá trình địa chất nội - ngoại động lực, các phương pháp khảo sát địa chất công trình và cảnh quan môi trường xây dựng. Sau khi kết thúc học phần này sinh viên phải có được các kiến thức cơ bản, cập nhật về đất đá xây dựng và thể hiện được mặt cắt địa chất công trình.

Vật liệu xây dựng

Giới thiệu các kiến thức cơ bản về tính năng cơ lý và các yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng phổ biến: đá thiên nhiên, gốm xây dựng, kim loại, kính, chất kết dính vô cơ, vữa, bê tông nặng dùng xi măng, xilicat, gỗ, bê tông asphalt, vật liệu hoàn thiện. Phương pháp xác định các chỉ tiêu chất lượng của các vật liệu, phục vụ cho thiết kế, thi

công và nghiệm thu các công trình xây dựng. Cung cấp một số kiến thức cơ bản về các cấu kiện bê tông cốt thép, kết cấu thép.

TN vật liệu XD

Học phần củng cố kiến thức lý thuyết học phần Vật liệu xây dựng, nâng cao kỹ năng thực hành thí nghiệm vật liệu xây dựng thông qua các bài thí nghiệm xác định những tính chất cơ lý của một số vật liệu xây dựng cơ bản như: Gạch đất sét nung; Cát; Đá; Xi măng; Bê tông; Vữa xi măng; Nitum; Bê tông nhựa; ...

Nhập môn ngành XD

Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết ban đầu về các khía cạnh cơ bản của Xây dựng và các lĩnh vực hoạt động trong ngành Xây dựng nhằm đạt được mục đích ý nghĩa là “nhập môn” cho sinh viên thuộc các chuyên ngành về Xây dựng. Ngoài ra học phần này còn giúp sinh viên chuẩn bị kế hoạch học tập và các kỹ năng cần thiết để đạt kết quả học tập tốt nhất; tạo sự thích thú học tập và say mê nghiên cứu giúp cho sinh viên yêu thích ngành nghề xây dựng và đạt kết quả học tập tốt nhất.

Học kỳ doanh nghiệp XD

Giúp sinh viên làm quen với môi trường sản xuất của ngành xây dựng, tiếp cận với các hạng mục đang được thi công, tham quan thực tế công nghệ sản xuất, tìm hiểu về tổ chức sản xuất xây dựng và công tác thiết kế các công trình xây dựng. Trong thời gian thực tập, học viên được vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế, chuẩn bị để đảm nhận được công việc của một kỹ thuật viên xây dựng trong tương lai. Ngoài ra sinh viên còn có thể thực tập tại các công ty tư vấn thiết kế xây dựng. Quá trình tham gia học kỳ doanh nghiệp sinh viên có thể kết hợp thực hiện đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ kỹ thuật tại đơn vị thực tập. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên được Nhà trường và Doanh nghiệp cấp giấy chứng nhận đã tham gia học kỳ doanh nghiệp.

Kết cấu bê tông cốt thép

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tính chất cơ lý của vật liệu, sự làm việc của kết cấu bê tông cốt thép, nguyên tắc cấu tạo và tính toán các cấu kiện bê tông cốt thép cơ bản (chịu uốn, nén, kéo, xoắn và chịu lực tổng hợp) theo tiêu chuẩn TCVN 5574:2018. Bê tông cốt thép là loại kết cấu chủ yếu trong xây dựng hiện đại nên học phần này cần thiết cho tất cả các chuyên ngành xây dựng, cầu đường, kiến trúc và là học phần tiên quyết của chuyên ngành xây dựng. Học phần cần học trước là Sức bền vật liệu và Cơ học kết cấu. Học xong học phần này sinh viên phải biết tính toán được các cấu kiện bê tông cốt thép cơ bản, thiết kế được hệ dầm sàn phẳng bê tông cốt thép toàn khối và biết vận dụng được kiến thức đã học vào chuyên môn và thực tiễn.

Đồ án kết cấu BTCT

Học phần này yêu cầu sinh viên vận dụng các kiến thức của học phần Kết cấu bê tông cốt thép 1 để tính toán thiết kế hệ sàn sườn toàn khối theo tiêu chuẩn TCVN 5574:2018. Học xong học phần này sinh viên được rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành tính toán

thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép, biết chọn tiết diện dầm và độ dày sàn; biết bố trí cốt thép các bộ phận dầm sàn, biết tính toán cấu tạo cốt thép (uốn, neo, nối và cắt cốt thép theo biểu đồ bao vật liệu), biết thể hiện một bản vẽ thi công bê tông cốt thép và thống kê các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

Kết cấu công trình BTCT

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên lý tính toán thiết kế các hệ kết cấu bê tông cốt thép trong công trình xây dựng dân dụng (kết cấu mái, kết cấu khung, kết cấu cầu thang và móng) và trong công trình xây dựng công nghiệp (khung ngang nhà công nghiệp một tầng lắp ghép) theo tiêu chuẩn TCVN 5574:2018. Ngoài ra học phần này còn cung cấp cho sinh viên biết tính toán được kết cấu nhà nhiều tầng, các hệ kết cấu thông dụng và biết vận dụng được kiến thức vào chuyên môn và thực tiễn.

Kết cấu thép

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tính chất cơ lý của vật liệu, sự làm việc của kết cấu thép, nguyên tắc cấu tạo và tính toán liên kết (hàn, bulông, đinh tán), tính toán các cấu kiện kết cấu thép cơ bản (chịu uốn, nén, kéo, xoắn và chịu lực tổng hợp). Việc tính toán được thực hiện theo tiêu chuẩn TCXDVN 338:2005. Kết cấu thép là loại kết cấu chủ đạo trong xây dựng hiện đại nên học phần này cần thiết cho tất cả các chuyên ngành xây dựng, cầu đường và kiến trúc. Học phần cần học trước là Sức bền vật liệu và Cơ học kết cấu. Học xong học phần này sinh viên phải biết tính toán được các dạng cấu kiện kết cấu thép cơ bản (sàn thép, dầm thép hình và tổ hợp, cột thép đặc và rỗng, dàn phẳng) và biết vận dụng được kiến thức đã học vào chuyên môn và thực tiễn.

Kết cấu công trình thép

Kết cấu thép quan trọng vì được sử dụng rộng rãi trong xây dựng các loại hình công trình xây dựng. Kế thừa kiến thức trong học phần Kết cấu thép 1, học phần này nghiên cứu thiết kế những hệ kết cấu thép công trình trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Nền móng

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc chung khi thiết kế nền và móng công trình, trình tự tính toán thiết kế các loại móng nông thường gặp, móng cọc đài thấp, móng cọc đài cao, các giải pháp xử lý và gia cố nền đất khi xây dựng công trình để đảm bảo công trình được ổn định. Sinh viên sẽ làm được những việc như: Thiết kế móng đơn, móng cọc đài thấp cho các công trình xây dựng thông dụng; Thiết kế biện pháp xử lý nền đất yếu.

Ngoại ngữ chuyên ngành XD

Tiếng Anh đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống và công việc. Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành XD cung cấp cho sinh viên ngành xây dựng vốn từ vựng cần thiết, các mẫu câu và ngữ pháp thông dụng dùng trong trao đổi, trình bày các nội dung chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng. Các chủ đề trọng tâm của học phần gồm: Mô tả hình dáng, vị trí, kích thước, số lượng; mô tả kết cấu, chức năng, khả năng, trình tự công việc.

Kiến trúc xây dựng

Kiến trúc và xây dựng là 2 ngành khoa học có mối quan hệ biện chứng, sự phát triển của ngành này cũng là những cơ sở cho sự phát triển của ngành kia. Vì thế, sinh viên ngành Xây dựng cần phải có những hiểu biết về kiến trúc. Đây chính là những kiến thức cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn chuyên ngành xây dựng khác cũng như tiếp cận với thực tế công việc sau này. Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu tổng quan về Kiến trúc; Cơ sở và nguyên tắc thiết kế Kiến trúc; Thiết kế các công trình Kiến trúc Dân dụng; Tổng quan về Kiến trúc Công nghiệp; Thiết kế Kiến trúc Nhà Công nghiệp.

Đồ án kiến trúc xây dựng

Sinh viên khi thực hiện đồ án này sẽ được chọn một trong những công trình dân dụng hay công cộng như chung cư, nhà làm việc, khách sạn, nhà triển lãm, thư viện ... để thiết kế các nội dung kiến trúc cho một công trình như tổng mặt bằng, mặt bằng các tầng, mặt cắt, các mặt bên và một số chi tiết thông dụng.

Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng

Giúp cho sinh viên nắm được các thành phần chính và cấu tạo của chúng trong nhà dân dụng, nguyên lý cấu tạo và nguyên lý thiết kế cấu tạo kiến trúc cho loại hình công trình kiến trúc dân dụng. Đây chính là những kiến thức cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn chuyên ngành xây dựng khác cũng như tiếp cận với thực tế công việc sau này.

Đồ án Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng.

Vận dụng những kiến thức đã học - học phần Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng - để thiết kế cấu tạo kiến trúc cho một công trình kiến trúc dân dụng cụ thể (ví dụ như nhà biệt thự, khách sạn, chung cư, nhà làm việc, trường học, bệnh viện, ...). Đồ án giúp cho sinh viên có thể đưa ra các phương án thiết kế cấu tạo kiến trúc phù hợp với đặc thù của công trình cũng như kỹ năng thể hiện một bộ bản vẽ kỹ thuật thi công (phần Kiến trúc).

Thi công đất và BTCT toàn khối

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để giải quyết những vấn đề về kỹ thuật thi công khi tiến hành chỉ đạo thi công công trình dân dụng hoặc công nghiệp như: Cấu tạo và tính toán hệ ván khuôn dàn dáo ; Biện pháp đổ bê tông ; Biện pháp thi công các công tác đất; ...

Đồ án thi công đất và BTCT toàn khối

Sau khi hoàn thành học phần thi công đất và BTCT toàn khối, sinh viên được chọn một công trình định trước như: nhà chung cư, nhà làm việc, khách sạn, nhà triển lãm, thư viện ... để thiết kế biện pháp kỹ thuật thi công cho các công tác chính khi thi công công trình.

Thi công lắp ghép, xây và hoàn thiện

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để giải quyết những vấn đề về kỹ thuật thi công khi tiến hành chỉ đạo thi công công trình dân dụng hoặc công nghiệp như: Biện pháp thi công lắp ghép các cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn ; Lắp ghép kết cấu thép;...

Máy xây dựng

Học phần giới thiệu các loại máy xây dựng thông dụng nhất với các nội dung như: Phân loại, công dụng và cấu tạo của máy xây dựng; Các thông số kỹ thuật cơ bản của máy; Chỉ tiêu năng suất của ca máy. Đề cập đến các phương pháp để từ đó chọn được máy phù hợp với các công tác thi công xây lắp.

An toàn lao động

Đề cập đến những khái niệm cơ bản liên quan đến lao động và an toàn, vệ sinh trong xây dựng; các vấn đề liên quan đến pháp luật bảo hộ lao động; đi sâu vào vấn đề giữ gìn môi trường làm việc, kỹ thuật an toàn trong một số công tác xây dựng chính và về phòng cháy chữa cháy.

Quản lý dự án xây dựng

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về dự án, quản lý dự án, các phương pháp hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Học phần này sẽ giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc quản lý các dự án đầu tư xây dựng từ khâu hoạch định dự án cho đến khi triển khai và hoàn thành dự án.

Luật xây dựng

Luật xây dựng là học phần bổ sung cho sinh viên những kiến thức về hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và Luật xây dựng nói riêng để biết cách tra cứu, xử lý các tình huống liên quan đến công việc sau này, đồng thời hỗ trợ cho sinh viên tiếp cận cách học tập và làm chủ kiến thức.

Dự toán xây dựng

Dự toán xây dựng là môn chuyên ngành, giúp sinh viên hiểu được quy trình, phương thức, cách thức, văn bản hướng dẫn bóc khối lượng, lập đơn giá, lập dự toán xây dựng công trình và ứng dụng vào việc đo bóc khối lượng công trình, lập dự toán công trình thực tế.

Thiết bị kỹ thuật trong nhà

Cùng với sự phát triển của các ngành khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, các vấn đề về kỹ thuật và trang bị cho công trình kiến trúc không ngừng được cải tiến và hoàn thiện ngày càng cao. Sinh viên được tìm hiểu nhiều hệ thống trang thiết bị kỹ thuật mới và ứng dụng lắp đặt cho các công trình xây dựng nhằm phục vụ một cách tốt nhất và đem lại hiệu quả cao nhất cho quá trình vận hành và sử dụng các công trình. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về cấu tạo và vận hành của các hệ thống như: Cấp điện và cấp thoát nước; chống sét; phòng cháy chữa cháy; điều hòa không khí và thông gió; thang máy; hệ thống kỹ thuật điện tử và tin học; ...

Thực tập Kỹ thuật xây dựng

Rèn luyện, bồi dưỡng cho người học ý thức nghề nghiệp, lòng yêu nghề qua lao động thực tế nhằm thấy được giá trị lớn lao của lao động chân tay, mối quan hệ mật thiết giữa cán bộ kỹ thuật và công nhân. Ngoài ra, còn rèn luyện ý thức tổ chức, kỷ luật; tác phong công nghiệp và tư duy lao động sáng tạo, chủ động, gắn lý thuyết đã được đào tạo với thực

tiến sản xuất xây dựng tại công trường. Chủ đề trọng tâm của học phần: Thực hành công tác xây trát, kiểm tra và nghiệm thu; Thực hành công tác BTCT, kiểm tra và nghiệm thu.

Thực tập nhận thức xây dựng

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế cũng như định hướng nghề nghiệp cho sinh viên sau này. Các chủ đề trọng tâm của học phần: Nâng cao nhận thức nghề nghiệp cho sinh viên cũng như cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của việc học đi đôi với hành, vận dụng những gì đã học để có thể áp dụng vào thực tế; Cung cấp cho sinh viên các yêu cầu của công việc trong tương lai nhằm làm cho sinh viên có thể hình dung những vị trí có thể làm sau khi ra trường để từ đó sinh viên tự điều chỉnh ý thức học tập, thái độ hành xử, kỹ năng giao tiếp, ... trong khoảng thời gian học tập còn lại, chọn cho mình con đường đi thích hợp cho bản thân; Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về một công ty xây dựng, cơ cấu tổ chức và vận hành, các kỹ năng cần thiết khi làm việc tại một công ty xây dựng.

Trắc địa xây dựng

Trắc địa công trình cần thiết cho tất cả các giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công và sử dụng công trình. Do đó học phần trắc địa là một học phần chuyên ngành quan trọng không thể thiếu được trong chương trình đào tạo kỹ thuật viên xây dựng. Các chủ đề trọng tâm của học phần: Kiến thức tổng quan về môn học trắc địa; Nguyên tắc cấu tạo các máy móc và dụng cụ trắc địa thông dụng; Đo vẽ bình đồ, mặt cắt địa hình, và bố trí công trình.

Thực hành trắc địa

Giúp cho học viên hiểu sâu kiến thức lý thuyết trong môn học Trắc địa và có thể trực tiếp đo vẽ bản đồ hoặc bố trí công trình sau khi ra trường. Nội dung chính của học phần gồm: Cấu tạo của máy móc và dụng cụ trắc địa; Sử dụng các máy móc và dụng cụ trắc địa thông dụng để đo các yếu tố cơ bản, đo và tính toán bình sai lưới khống chế, đo vẽ bình đồ.

Tổ chức thi công

Tổ chức thi công là một lĩnh vực hoạt động có phạm vi chuyên môn rộng, phức tạp. Sản phẩm của tổ chức thi công xây dựng là công trình xây dựng hiện hữu. Đây là một môn học quan trọng. Khối lượng thiết kế tổ chức thi công chiếm tỷ lệ lớn trong đồ án tốt nghiệp của sinh viên. Các chủ đề trọng tâm của học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức xây dựng công trình; Ứng dụng phương pháp tổ chức thi công theo dây chuyền, theo sơ đồ mạng; Thiết kế tổ chức thi công các bộ phận công trình, từng hạng mục công trình, công trình có nhiều hạng mục; Bố trí hạ tầng phụ trợ cho xây dựng; Thiết kế tổng mặt bằng thi công.

Đồ án tổ chức thi công

Thông qua nhiệm vụ thiết kế tổ chức thi công một nhà công nghiệp một tầng lắp ghép, học phần này giúp cho sinh viên thực hành những kiến thức đã học trong học phần Tổ chức thi công. Kết quả thực hành là một bản thuyết minh tính toán và bản vẽ kèm theo. Nội dung của đồ án môn học này là một thành phần của đồ án tốt nghiệp ra trường của sinh viên.

Tin học xây dựng

Việc học tập các học phần sẽ được thực hiện tốt nhất khi có sự hỗ trợ của máy tính và các phần mềm phù hợp. Khả năng sử dụng máy tính tốt đã trở thành một yêu cầu bắt buộc phải có đối với người sinh viên sau khi ra trường. Học phần sẽ giúp cho sinh viên sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm phổ biến nhất trong xây dựng để thực hiện có hiệu quả nhất các yêu cầu của kiến thức cơ sở chuyên ngành đã học, hỗ trợ cho sinh viên tiếp cận học tập và làm chủ kiến thức chuyên ngành. Học tốt học phần này, sinh viên còn có cơ hội đi sâu nghiên cứu khoa học, tạo ra những sản phẩm sáng tạo của riêng mình. Các nội dung chính gồm: Quản lý tốt một máy tính. Hướng dẫn sử dụng các phần mềm phổ biến trong xây dựng; Thông qua việc sử dụng tốt các phần mềm ứng dụng, sinh viên được một lần nữa được ôn luyện những kiến thức chuyên môn có liên quan.

Toán ứng dụng

Tính toán là nền tảng cho các học phần chính trong mọi chương trình đào tạo chuyên ngành công nghệ, kỹ thuật. Dựa trên phần mềm toán Mathcad, Toán ứng dụng kế thừa các kiến thức đã học trong chương trình toán phổ thông và Đại số tuyến tính để dễ dàng thực hiện các phép tính, nối kết chúng thành những bài toán, thành những chương trình. Toán ứng dụng phục vụ đắc lực trong việc học tập, nghiên cứu các học phần tiếp theo thuộc cơ sở ngành và chuyên ngành.

Vẽ kỹ thuật xây dựng

Học phần này giới thiệu các khái niệm cơ bản, các tiêu chuẩn xây dựng, các thành phần và trình tự thể hiện, ... của việc lập bản vẽ kỹ thuật xây dựng. Từ đó giúp cho sinh viên có khả năng đọc, hiểu và vẽ bằng tay các loại bản vẽ kỹ thuật trong ngành xây dựng.

Vẽ xây dựng trên máy tính

Trong kiến trúc và xây dựng, phần mềm Autocad là một ứng dụng vẽ kỹ thuật phổ biến nhất. Vì thế, những hiểu biết và khả năng ứng dụng những tiện ích do phần mềm ACAD mang lại thực sự là một yêu cầu cần thiết, giúp cho việc hoàn thành quá trình thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật đạt hiệu quả. Các chủ đề trọng tâm của học phần: Các lệnh vẽ cơ bản; Các lệnh vẽ nhanh; Tạo và hiệu chỉnh kích thước, ...

Chuyên đề kiến trúc bền vững

Chuyên đề trang bị các kiến thức tổng quan và một số vấn đề thực tiễn hiện nay của kiến trúc bền vững cho sinh viên ngành xây dựng, định hướng người học về các khả năng ứng dụng trong công tác quản lý dự án, thiết kế và thi công xây dựng.

Kết cấu nhà nhiều tầng

Đây là học phần mở rộng và nâng cao của nhóm môn học kết cấu BTCT, chuyên sâu về đối tượng nhà cao tầng BTCT trong công tác thiết kế. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật công trình cao tầng BTCT. Cung cấp những kiến thức và kỹ năng trong tính toán kết cấu công trình cao tầng chịu tác dụng của các tải trọng đặc biệt, đồng thời cung cấp kỹ năng phân tích để lựa chọn phương án kết cấu thích hợp.

Đồ án kỹ thuật thi công lắp ghép

Thông qua nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật thi công lắp ghép công trình theo số liệu thực tế, học phần này giúp cho sinh viên thực hành những kiến thức đã học trong học phần Thi công lắp ghép, xây và hoàn thiện. Kết quả thực hành là một bản thuyết minh tính toán và bản vẽ kèm theo.

Thi công nhà nhiều tầng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thi công thi công nhà cao tầng, trong đó chú trọng tổng kết các kỹ thuật mới, công nghệ mới trong thi công xây dựng nhà cao tầng.

Kinh tế xây dựng

Cung cấp cho sinh viên ngành xây dựng mảng kiến thức quan trọng về kinh tế và quản lý trong xây dựng. Nội dung chính của học phần gồm: quản lý Nhà nước về kinh tế đối với ngành xây dựng; phân tích dự án đầu tư; các phương pháp đánh giá các phương án kỹ thuật về mặt kinh tế, các kiến thức về lựa chọn nhà thầu, thiết kế trong xây dựng, hợp đồng xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng. Ngoài ra học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thanh toán, quyết toán trong xây dựng và nắm rõ hồ sơ quyết toán công trình gồm những gì để đảm bảo hồ sơ pháp lý đúng theo quy định.

Vật lý kiến trúc

Học phần này nghiên cứu các quá trình vật lý xảy ra trong bản thân kết cấu, cũng như trong môi trường bên trong, bên ngoài công trình và các quần thể kiến trúc mở rộng đến cả khu đô thị hay thành phố. Học phần gồm các nội dung chính về: Nhiệt và khí hậu xây dựng; Chiếu sáng xây dựng; Âm học kiến trúc, ...

Quy hoạch đô thị

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: đô thị, quy hoạch xây dựng đô thị, quá trình đô thị hóa, ... Những kiến thức chung đạt được là cơ sở giúp sinh viên tiếp tục đi sâu nghiên cứu các công tác như: quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch tổng mặt bằng công trình, tìm hiểu công tác phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, ...

Tin học đồ họa kiến trúc

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tư duy hình khối công trình, cung cấp những kỹ năng cơ bản để tạo lập hình khối 3D công trình và không gian kiến trúc

Thiết kế công trình chịu tải trọng động đất và gió bão

Đây là học phần mở rộng, nâng cao và chuyên sâu về đối tượng nhà cao tầng trong công tác thiết kế. Thiết kế công trình chịu tải trọng động đất và gió bão trình bày các đặc điểm của tải trọng đặc biệt (động đất, gió bão) ảnh hưởng đến công tác thiết kế kết cấu nhà nhiều tầng và hướng dẫn thực hành tính toán tải trọng động đất, tải trọng gió theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Tiêu chuẩn Châu Âu Eurocode

Bảo dưỡng, sửa chữa & nâng cấp công trình

Công trình hư hỏng, xuống cấp hay sụp đổ là do nhiều nguyên nhân gây nên. Việc điều tra nguyên nhân hư hỏng và sự cố đòi hỏi phải có kiến thức nhất định, phải tập hợp đầy đủ những bằng chứng và số liệu cụ thể để tìm ra nguyên nhân chính xác. Nguyên nhân hư hỏng và biện pháp sửa chữa thường liên quan với nhau. Tìm được nguyên nhân đúng đắn mới đề ra được biện pháp sửa chữa hợp lý và hiệu quả nhất. Học phần sẽ giúp cho sinh viên tìm hiểu thấu đáo những nội dung nêu trên, giúp cho sinh viên tìm ra được giải pháp sửa chữa có hiệu quả các hư hỏng của công trình, chủ yếu với kết cấu bê tông cốt thép.

Giám sát thi công xây dựng

Học phần nhằm giới thiệu những yêu cầu mới về công tác tư vấn giám sát, tiêu chuẩn ISO 9000 cho các tổ chức xây lắp, các biện pháp kiểm tra chất lượng và nghiệm thu công trình từ lúc khởi công đến lúc hoàn thiện, đưa vào sử dụng một dự án xây dựng như: khảo sát xây dựng, thi công nền móng, thi công kết cấu bê tông cốt thép công trình dân dụng, thi công kết cấu thép công trình dân dụng, thi công hoàn thiện, thi công lắp đặt thiết bị công trình dân dụng

Đồ án chuyên ngành XD Kỹ sư

Giúp SV tổng hợp, hệ thống các kiến thức đã được đào tạo, vận dụng thực hiện nội dung thiết kế một phần công trình xây dựng với quy mô lớn (tối thiểu 8 tầng) ở 03 nội dung cơ bản: Đề xuất và thiết kế giải pháp Kiến trúc, kết cấu, kỹ thuật và tổ chức thi công công trình. Kết quả thể hiện qua thuyết minh và các bản vẽ kỹ thuật là cơ sở đánh giá sinh viên trước khi tốt nghiệp.

III. ĐỘI NGŨ CBGD VÀ NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên.

Các GV đảm nhiệm việc giảng dạy các HP cơ sở và chuyên ngành:

3.1.1. Danh sách các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
1	Võ Duy Hải	1988	Nam	GV. Tiến sĩ	Xây dựng DD&CN	Bảo dưỡng sửa chữa và nâng cấp công trình; Máy xây dựng; Thi công đất và BTCT toàn khối; Đồ án thi công đất và BTCT toàn khối
2	Nguyễn Thế Dương	1979	Nam	GV. PGS. Tiến sĩ	Kỹ thuật Xây dựng	Chuyên đề kết cấu, kết cấu thép, kết cấu công trình thép, đồ án kết cấu thép, Kết cấu Bê tông ứng lực trước.
3	Phan Thanh Ngọc	1990	Nam	GV. Tiến sĩ	Xây dựng DD&CN	Thiết bị kỹ thuật trong nhà, Cơ học kết cấu – Hệ tĩnh định, Cơ học kết cấu – hệ siêu tĩnh; Động lực học công trình; Phương pháp phân tử hữu hạn

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
4	Phan Viết Nhựt	1989	Nam	GV. Tiến sĩ	Xây dựng DD&CN	Tổ chức thi công, Đồ án tổ chức thi công
5	Huỳnh Minh Sơn	1974	Nam	GVC. Tiến sĩ	Xây dựng DD&CN	Kết cấu thép, Đồ án kết cấu thép; Giám sát thi công xây dựng
6	Lê Minh Thắng	1986	Nam	GV. Tiến sĩ	Xây dựng DD&CN	Nền móng, Đồ án nền móng; Chuyên đề nền móng; Cơ học đất; Thí nghiệm cơ học đất.
7	Bạch Quốc Sĩ	1971	Nam	GV. Tiến sĩ	Cầu đường	Chuyên đề vật liệu xây dựng.
8	Cao Thị Xuân Mỹ	1985	Nữ	GV. Thạc sĩ	Cầu đường	Cơ học đất
9	Đặng Ngọc Thành	1988	Nam	GV. Tiến sĩ	Cầu đường	Phương pháp phần tử hữu hạn
10	Đình Nam Đức	1988	Nam	GV. Tiến sĩ	Kiến trúc	Tin học đồ họa kiến trúc
11	Đoàn Vĩnh Phúc	1982	Nam	GV. Thạc sĩ	Xây dựng DD&CN	Thi công đất và BTCT toàn khối; Đồ án thi công đất và BTCT toàn khối; Thi công lắp ghép, xây và hoàn thiện; An toàn lao động
12	Hồ Văn Quân	1977	Nam	GV. Tiến sĩ	Cầu đường	Chuyên đề vật liệu xây dựng; Nền móng; Đồ án nền móng; Cơ học đất; Chuyên đề nền móng
13	Huỳnh Võ Duyên Anh	1988	Nữ	GV. Thạc sĩ	Cầu đường	Cấp thoát nước
14	Lê Chí Phát	1986	Nam	GV. Thạc sĩ	Xây dựng DD&CN	Kết cấu BTCT; Đồ án kết cấu BTCT; Kết cấu công trình BTCT; Đồ án Kết cấu công trình BTCT; Chuyên đề thiết kế kết cấu
15	Lê Thanh Hòa	1987	Nam	GV. Thạc sĩ	Kiến trúc và thiết kế đô thị	Quy hoạch phát triển đô thị, Kỹ thuật hạ tầng đô thị
16	Lê Thị Kim Anh	1981	Nữ	GV. Thạc sĩ	Kiến trúc	Đồ án cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng, Đồ án kiến trúc.

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
17	Lê Thị Phụng	1988	Nữ	GV. Thạc sĩ	Quản lý xây dựng	Định giá sản phẩm xây dựng, Dự toán xây dựng; Quản lý dự án Xây dựng
18	Lưu Thiên Hương	1988	Nữ	GV. Tiến sĩ	Kiến trúc	Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng; vật lý kiến trúc
19	Mai Phước Ánh Tuyết	1988	Nữ	GV. Thạc sĩ	Quản lý xây dựng	Đồ án Tổ chức thi công
20	Ngô Thanh Vinh	1980	Nam	GV. Thạc sĩ	Xây dựng DD&CN	Nhập môn ngành XD; Vật liệu xây dựng; Thí nghiệm vật liệu xây dựng; Kết cấu BTCT; Đồ án kết cấu BTCT
21	Ngô Thị Mỹ	1983	Nữ	GV. Thạc sĩ	Cầu đường	Vật liệu Xây dựng
22	Nguyễn Phú Hoàng	1974	Nam	GV. Thạc sĩ	Xây dựng DD&CN	Cơ học kết cấu – Hệ tĩnh định, Cơ học kết cấu – hệ siêu tĩnh; Cơ lý thuyết; Sức bền vật liệu
23	Nguyễn Tấn Khoa	1987	Nam	GV. Tiến sĩ	Thủy lợi – Thủy điện	Cấp thoát nước, Toán ứng dụng, Chuyên đề ứng dụng BIM trong XD.
24	Nguyễn Hữu Tuấn	1982	Nam	GC. Thạc sĩ	Cầu đường	Trắc địa xây dựng, Thực hành trắc địa xây dựng,
25	Phạm Thị Phương Trang	1989	Nữ	GV. Thạc sĩ	Quản lý xây dựng	Quản lý chất lượng xây dựng; Chuyên đề đấu thầu; Tổ chức thi công và Đồ án tổ chức thi công; Luật Xây dựng
26	Phan Bảo An	1980	Nam	GV. Tiến sĩ	Kiến trúc	Vẽ xây dựng trên máy tính
27	Phan Nhật Long	1989	Nam	GV. Thạc sĩ	Xây dựng DD&CN	Cơ học công trình;Thí nghiệm cơ học, Thí nghiệm vật liệu xây dựng; Kết cấu công trình; Tin học xây dựng; Thực tập Kỹ thuật XD
28	Phan Tiến Vinh	1975	Nam	GVC. Tiến sĩ	Quy hoạch đô thị	Kiến trúc xây dựng, Chuyên đề kiến trúc bền vững
29	Trần Thanh Quang	1983	Nam	GV. Thạc sĩ	Xây dựng DD&CN	Trắc địa; Thực hành trắc địa xây dựng, Thí nghiệm cơ học đất; Địa chất công trình
30	Trần Thị Phương Huyền	1984	Nữ	GV. Tiến sĩ	Khoa học hành tinh và vũ trụ	Ngoại ngữ chuyên ngành, Cơ học đất.

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
31	Trần Vũ Tiến	1987	Nam	GV. Thạc sĩ	Kiến trúc	Kiến trúc công nghiệp, Hình họa.
32	Trương Thị Thu Hà	1988	Nữ	GV. Thạc sĩ	Quản lý xây dựng	Thanh quyết toán công trình; Kinh tế Xây dựng; Ngoại ngữ chuyên ngành Xây dựng
33	Võ Thị Vỹ Phương	1986	Nữ	GV. Thạc sĩ	Kiến trúc	Vẽ kỹ thuật xây dựng, Vẽ xây dựng trên máy tính.

3.1.2. Danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
1	Đoàn Duy Bình	1975	Nam	GV. Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương, TH Tin học đại cương
2	Hà Quốc Pháp	1988	Nam	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất I, II, III, IV
3	Hoàng Nhật Quy	1979	Nam	GV. Tiến sĩ	Toán học	Giải tích I, Giải tích II
4	Huỳnh Nhật Nam	1983	Nam	GV. Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản
5	Lê Cẩn Tinh	1959	Nam	GVC. Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Lê Thị Tuyết Ba	1962	Nữ	GVC. Tiến sĩ	Lý luận chính trị	Đường lối CM của ĐCSVN
7	Lương Văn Thọ	1978	Nam	GV. Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết	Vật lý Cơ - Nhiệt, Vật Lý Cơ - Điện
8	Nguyễn Thị Phương Thảo	1982	Nữ	GV. Thạc sĩ	Luật	Pháp luật đại cương
9	Nguyễn Thị Sinh	1982	Nữ	GV. Thạc sĩ	Toán học	Đại số tuyến tính, Xác suất Thống kê
10	Nguyễn Thị Trâm Anh	1980	Nữ	GV. Tiến sĩ	Tâm Lý – Giáo dục	Khởi nghiệp - việc làm, Phát triển dự án, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm
11	Nguyễn Văn Hoàn	1979	Nam	GV. Thạc sĩ	Khoa học lịch sử	Triết học Mác Lê Nin; Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
			- Máy dẫn tạo mẫu vữa xi măng cát - Máy sàn và bộ sàn tiêu chuẩn - Máy rung tạo mẫu - Máy xác định độ cứng Vebe của HH bê tông - Thiết bị xác định hàm lượng bọt khí của bê tông - Máy CBR trong phòng thí nghiệm - Thiết bị xác định giới hạn chảy của đất - Thiết bị dụng cụ kiểm tra độ nứt bê tông - Thiết bị xác định thời gian đông kết vữa bê tông	1 1 1 1 1 1 1 1 1 1	Chuyên đề Nền móng Công trình, Chuyên đề kết cấu CT

3.2.2. Xưởng thực hành:

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Xưởng thực hành thiết kế kiến trúc XD	90	- Máy đo ánh sáng hiển thị số MW 700 (Rumani) - Máy đo tốc độ gió AM 4203 (Đài Loan). - Máy đo ghi nhiệt độ KTT310 - Kimo (Pháp) - Máy chiếu Projector - Giá vẽ - Mô hình nhà cửa	1 1 1 1 40 10	Kiến trúc công nghiệp; Kiến trúc xây dựng; Đồ án kiến trúc XD; Chuyên đề kiến trúc bền vững; Đồ án cấu tạo KT nhà dân dụng.
2	Xưởng thực hành kỹ thuật xây dựng	120	- Máy trộn bê tông - Máy duỗi thép - Máy cắt thép - Dụng cụ phục vụ công tác Xây tô trát (bay, thước góc, thước nhôm, thước dây, bàn kéo, bàn xoa....)	2 1 1	Thực tập công nhân xây dựng.

3.2.3. Phòng máy tính:

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần.
1	Phòng máy tính	01	40m2	Máy tính bàn: PC DELL INSPIRON 3647ST	40	TH Tin học đại cương; TH Tin học văn phòng

(Xưởng thực hành tin học xây dựng)	Máy tính bàn PC DELL PRECISION T1700SFF	2	Vẽ xây dựng trên máy tính TH Kỹ thuật lập trình Tin học đồ hoạ kiến trúc Tin học xây dựng; Dự toán xây dựng
	PROJECTOR	1	
	Hệ thống mạng LAN, Wifi, kết nối Internet.	1	
	Máy lạnh	2	
	Quạt	10	
	Camera Máy quay phim	1 1	Thực tập Nhận thức XD; Thực tập Kỹ thuật XD

3.2.4. Các phương tiện phục vụ đào tạo khác của chuyên ngành: Không

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Hướng dẫn thực hiện chung

Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 2 năm một lần (chủ yếu xem xét lại chuẩn đầu ra của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ, vì vậy:

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

4.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.

- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

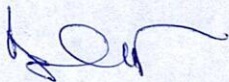
- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

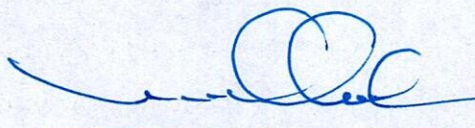
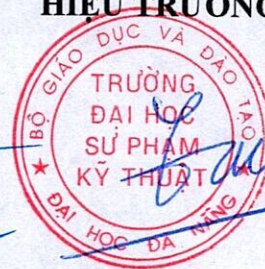
BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Vĩnh Phúc


Phan Tiến Văn

PGS.TS. PHAN CAO THỌ

